



huǒ guō

火锅

Noun · hotpot

Example Sentences

wǒ xǐ huan chī má là huǒ guō

我 喜 欢 吃 麻 辣 火 锅。

I like to eat spicy hot pot.

dōng tiān wǒ men quán jiā jīng cháng yì qǐ chī huǒ guō

冬 天 我 们 全 家 经 常 一 起 吃 火 锅。

In winter, our whole family often eats hotpot together.

dōng tiān chī huǒ guō hěn nuǎn huo

冬 天 吃 火 锅 很 暖 和。

Eating hot pot in winter is very warm.

Trace each character, then write the word on your own.

火	火	火	火	火	火	火								
锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅	锅			
锅	锅	锅	锅											